

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-ST  
Ngày 31/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Tuấn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Huy Hoàng và ông Đoàn Văn Chương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

*Họ và tên:* **ĐẶNG VĂN S** (không có tên gọi khác). Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1990, tại: Đông Hưng, Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Thanh X, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú ngày 25/02/2021, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, hiện tại ngoại nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

1. Anh **Nguyễn Xuân Tr**, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Tổ 9, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Chị **Vũ Thị Ánh T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu 7, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 7, phường P, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**Chị Vũ Thị Nh**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ 9, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1972, trú tại tổ 9, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Q, có mở cửa hàng “Xuân Tr” kinh doanh kính mắt ở khu 4, phường Y, thị xã Q, tỉnh Q. Anh Tr có thuê chị Vũ Thị Ánh T, sinh năm 2000 và chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1993 đều trú tại thị xã Q làm nhân viên bán hàng, thu ngân và quản lý tiền bán hàng. Đồng thời anh Tr thuê Đặng Văn S làm nhân viên kỹ thuật tại cửa hàng và ăn ở tại cửa hàng. Trong quá trình làm việc tại cửa hàng, do ham chơi game nên S đã nhiều lần trộm cắp tiền hàng bán được để nạp tiền chơi game, tổng số tiền S trộm cắp được là 26.000.000 đồng, cụ thể:

*Lần thứ nhất:* Chiều ngày 10/02/2021, sau khi kiểm tra số tiền bán hàng được trong ngày là 1.063.000 đồng, chị T cho vào ngăn kéo tủ, nhưng không khóa, sau đó đi về, lúc này còn một mình S ở lại cửa hàng, S đã bán được một số kính thuốc, trị giá 5.300.000 đồng (S đều ghi vào hóa đơn), sau đó S tự ý lấy số tiền trên và 500.000 đồng trong ngăn kéo tủ để nạp vào tài khoản và sử dụng chơi game hết. Sáng ngày 11/02/2021 khi chị T đến cửa hàng và kiểm tra lại ngăn kéo tủ thì thấy hóa đơn bán hàng thể hiện đã bán được số 5.300.000 đồng, nhưng số tiền còn lại chỉ còn 563.000 đồng, chị Tuyết hỏi S thì S thừa nhận đã lấy số tiền 5.800.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Ngày 15/02/2021, do đang là thời gian nghỉ tết và do đang thời gian dịch bệnh covid 19 nên S không về quê ăn tết được mà ở lại. Do đó anh Tr cho S ở lại cửa hàng, đồng thời giao nhiệm vụ cho S trông coi cửa hàng trong thời gian nghỉ tết nhưng không giao cho S bán hàng và thu tiền hàng, S đã tự ý bán một số kính thuốc, trị giá 6.400.000 đồng và được phẩm trị giá 3.200.000 đồng (S đều ghi vào hóa đơn). Số tiền bán hàng được S tự ý lấy để nạp tiền vào tài khoản và sử dụng chơi game hết. Sự việc trên bị anh Tr phát hiện và đã yêu cầu S phải liệt kê toàn bộ số tiền đã lấy trong các ngày 10/02/2021 và 15/02/2021, đồng thời yêu cầu S cam kết không được tự ý lấy tiền tại cửa hàng nữa.

*Lần thứ ba:* Chiều ngày 24/02/2021, sau khi bán hàng xong, chị Nh kiểm tra số tiền bán hàng trong ngày là 11.650.000 đồng, chị cất vào trong ngăn kéo tủ và khóa lại, đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/02/2021 S đã dùng nhíp bằng kim loại để cạy khóa nhưng không mở được ngăn kéo tủ, đến khoảng 08 giờ cùng ngày chị Nh đến

cửa hàng và cắm chìa khóa vào ổ khóa ngăn kéo đựng tiền, sau đó đi ra khu vực phía sau bếp, lợi dụng sơ hở của chị Nh nên S đã mở tủ và lấy số tiền 10.600.000 đồng trong ngăn kéo, để nạp tiền vào tài khoản và sử dụng chơi game hết.

Ngày 25/02/2021, sau khi biết được việc S tiếp tục tự ý lấy tiền tại cửa hàng, anh Tr đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra, Cùng ngày S đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Quá trình điều tra S đã tác động gia đình trả lại cho anh Tr toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng mà S đã trộm cắp tại cửa hàng.

Tại bản cáo trạng số 38/CT - VKSQY, ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Đặng Văn S từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo Đặng Văn S theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu đen dài 13cm, hai đầu nhíp nhọn là tài sản của anh Nguyễn Xuân Tr nên trả lại cho anh Tr.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 26.000.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Xuân Tr nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

\* Tại phần tranh luận Bị cáo không có tranh luận gì và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu, trở thành công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an

thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo được anh Nguyễn Xuân Tr thuê làm nhân viên đo, cắt kính mắt và tư vấn cho khách hàng nhưng không được giao nhiệm vụ bán hàng và quản lý tiền bán hàng của cửa hàng nhưng thỉnh thoảng bị cáo vẫn bán hàng và giao lại tiền bán hàng cho chị T hoặc chị Nh là người quản lý tiền hàng. Ngày 10/02/2021, bị cáo lấy trộm số tiền 5.800.000 đồng là do chị T quản lý số tiền trên. Ngày 15/02/2021 là ngày nghỉ tết và đang là thời gian dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên bị cáo không về quê ăn tết mà ở lại cửa hàng, đồng thời được anh Nguyễn Xuân Tr giao trông coi cửa hàng trong những ngày nghỉ tết nguyên đán vì chỉ có một mình bị cáo ở lại cửa hàng, anh Tr không giao chìa khoá tủ cũng như không giao cho bị cáo bán hàng, thu tiền và quản lý tiền hàng. Mà bị cáo tự ý bán hàng lấy tiền 9.600.000 đồng sử dụng vào việc cá nhân. Ngày 25/02/2021, bị cáo lấy trộm số tiền 10.600.000 đồng là do chị Nh quản lý số tiền trên. Như vậy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện Tr, bản ảnh hiện Tr cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 10, 15, 25/02/2021, tại cửa hàng kính mắt “Xuân Tr”, tại khu 4, phường Y, thị xã Q, tỉnh Q, Đặng Văn S đã ba lần trộm cắp tổng số tiền bán hàng được là 26.000.000 đồng, do chị Vũ Thị Ánh T và chị Nguyễn Thị Nh quản lý.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội “ *Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Bị hại chị Vũ Thị Ánh T có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện:

Bị cáo đã trả toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Xuân Tr nên chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Về hình phạt: Chị xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại chị Nguyễn Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Xuân Tr số tiền 26.000.000 đồng nên chị không có yêu cầu gì thêm. Về phần hình phạt: Chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại anh Nguyễn Xuân Tr có trong hồ sơ thể hiện: Anh và vợ anh là chị Vũ Thị Nh có mở một chuỗi cửa hàng kinh doanh kính mắt “Xuân Tr” tại thành phố U và thị xã Q. Anh Đặng Văn S làm việc cho anh từ khoảng tháng 03/2019 cho đến nay, anh S làm nhân viên đo, cắt kính mắt và tư vấn cho khách hàng nhưng không được giao quản lý tiền bán hàng của cửa hàng, nhưng anh và S chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không có hợp đồng lao động. Từ tháng 03/2020 đến khoảng tháng 10/2020 thì S làm ở cửa hàng “Xuân Tr” chi nhánh thành phố Uông Bí. Đến khoảng tháng 10/2020 S được anh giao cho làm việc ở cửa hàng “Xuân Tr” chi nhánh thị xã Q cho đến nay. Quá trình làm việc ở thị xã U thì S cũng đã nhiều lần tự ý lấy tiền của cửa hàng đem chi tiêu cá nhân mà không được sự đồng ý của vợ chồng anh nên ngày 08/10/2020 vợ chồng anh đã đánh máy 01 biên bản có nội dung S khai rõ các lần lấy tiền của vợ chồng anh và cam kết sẽ không tiếp tục tự ý lấy trộm tiền của cửa hàng nữa. Sau đó, S được vợ chồng anh cử đến cửa hàng “Xuân Tr” tại thị xã Q để làm việc. Tại đây, ngoài S ra còn có chị Vũ Thị Ánh T và chị Nguyễn Thị Nh. Chị T và chị Nh được thuê để bán hàng và thay anh quản lý tiền bán hàng của cửa hàng. Số tiền bán hàng tại đây được anh quy định sẽ được chị T và chị Nh ghi vào sổ để phục vụ đối chiếu, còn tiền sẽ để ở ngăn kéo trên cùng của bàn máy tính ở cửa hàng rồi khóa lại ( chìa khóa có 02 chìa, anh giữ 01 chìa, còn 01 chìa chị T và chị Nh thay nhau giữ), cứ cuối buổi bán hàng mỗi ngày hoặc 02 đến 03 ngày anh sẽ xuống kiểm tra và thu tiền về. Khoảng 10 giờ sáng ngày 25/02/2021, khi anh đang ở nhà riêng thì chị Nh có gọi điện cho anh nói về việc S tiếp tục tự ý lấy 10.600.000 đồng của cửa hàng nên anh đã kiểm tra camera an ninh của cửa hàng thì thấy S lấy tiền trong ngăn tủ đựng tiền của cửa hàng vào khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày. Đến chiều cùng ngày anh đến cửa hàng gặp S hỏi tại sao tiếp tục lấy tiền thì S nói là S đã tiêu hết và anh đã trình báo Cơ quan điều tra... Khi vào dịp nghỉ tết Nguyên đán anh có giao cho chị T quản lý tiền bán hàng đến hết ngày 11/02/2021, còn ngày 15/02/2021 anh không giao cho ai quản lý tiền bán hàng cả, khi đó do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên anh để cho S ở cửa hàng trông coi cửa hàng những ngày tết nhưng anh không giao cho S chìa khóa tủ và việc quản lý tiền của cửa hàng (bút lục 112 - 113).

Anh Nguyễn Xuân Tr có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện: Bị cáo đã tác động bồi thường thiệt hại cho cửa hàng do anh làm chủ là 26.000.000 đồng, đến nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng cho vợ chồng chị nên chị không có yêu cầu gì.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản đem bán để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi

của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần, mặc dù đã bị phát hiện hai lần trước đó nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện trộm cắp tài sản lần thứ ba, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tuyên truyền pháp luật cũng như đảm bảo tính dẫn đe dọa đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo trong vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bồi thường khắc phục hậu quả, Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bản thân bị cáo đã ra đầu thú. Nên, cần thiết cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần, mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, như vậy cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng: 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu đen dài 13cm, hai đầu nhíp nhọn là tài sản của anh Nguyễn Xuân Tr nên xét thấy cần phải trả lại cho anh Nguyễn Xuân Tr.

[6] Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập.

[8] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn S**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đặng Văn S 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo Đặng Văn S để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho anh Nguyễn Xuân Tr: 01 (một) nhíp bằng kim loại màu đen dài 13cm, hai đầu nhíp nhọn (vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VP Công an tỉnh Q
- VKSND TX. Q;
- Công an TX. Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Phan Tuấn Anh**